TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2022/HSST
Ngày 08-6-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Tòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Giới

Ông Phạm Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn B, sinh năm 1960 tại thành phố Hồ Chí M; Giới tính: Nam.

Tên gọi khác: B Chôm, B Xe ôm.

Nơi cư trú: Khu phố Đ, phường T, thành phố X, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Chức vụ: không; Đoàn thể: không; Đảng phái: không.

Nghề nghiệp: xe ôm; Trình độ học vấn: 0/12.

Họ tên cha: Nguyễn Văn M (đã chết).

Họ tên mẹ: Bùi Thị T (đã chết).

Bị cáo có 06 anh, chị, em ruột, lớn nhất (đã chết), nhỏ nhất (đã chết).

Họ tên vợ: Kim Thị Tuyết S (đã chết).

Bị can có 02 con ruột, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1987.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo có 04 tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2012/HSST ngày 20/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tuyên phạt Nguyễn Văn B 18 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách 27 tháng 20 ngày về tội "Trộm cắp tài sản";

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2012/HSST ngày 30/8/2012 của Tòa án nhân dân thị xã X (nay là thành phố X), tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tuyên phạt Nguyễn Văn B 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số 21/2012/HSST ngày 20/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh B buộc Nguyễn Văn B chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm 03 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 11/01/2014, chưa được xóa án tích.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 107/2015/HSST ngày 15/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tuyên phạt Nguyễn Văn B 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 10/02/2017, chưa được xóa án tích.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tuyên phạt Nguyễn Văn B 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 03/10/2018, chưa được xóa án tích.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 126/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên phạt Nguyễn Văn B 13 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 12/11/2020, chưa được xóa án tích.

Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B.
Truy tố về tội: "Trộm cắp tài sản".
Theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.
Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 05/01/2022 cho đến nay.
Bị cáo có mặt tại phiên tòa.
* *Người bị hại:* Ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1983.
Trú tại: Ấp 1, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước.
* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1987
Trú tại: Ấp 1, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh B.
* *Người làm chứng:*
- Cháu Hoàng Thị M, sinh năm 2011
Trú tại: Ấp 1, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh B.
Người giám hộ cho cháu M: Bà Lê Hồng Nh, sinh năm 1997
- Chức vụ: Phó Bí thư Chi đoàn xã ĐT.
Trú tại: Ấp 2, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ 00 phút, ngày 05/01/2022, bị cáo Nguyễn Văn B (hành nghề xe ôm) điều khiển xe mô tô biển số 93N2 - 7389 chở khách đi lên khu vực xã ĐT, huyện Đ. Sau khi khách xuống xe, bị cáo B điều khiển xe mô tô đi về thành phố X,

tỉnh B, khi đi trên đường bị cáo B nhìn thấy nhà ông Nguyễn Viết H thuộc ấp 1, xã ĐT, huyện Đ không khóa cổng nên nảy sinh ý định vào nhà để trộm cắp tài sản, bị cáo B dừng xe mô tô bên ngoài cổng rồi đi vào, chuẩn bị vào tới nhà B gặp cháu Nguyễn Hoàng M, sinh năm 2011 (cháu ông H), lúc này B giả vờ hỏi thăm và nói M trông xe giúp, tiếp đó B đi vào nhà tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi đi qua phòng ngủ nhìn thấy 01 điện thoại Vivo Y12S của ông H đang để trên giường nên B đi vào lấy điện thoại trên rồi đi ra và điều khiển xe mô tô biển số 93N2 - 7389 về khu vực chợ X, thuộc thành phố X, tỉnh B. Về phía ông H, khi về đến nhà không thấy điện thoại nên đã hỏi cháu Nguyễn Hoàng M, khi được cháu M nói lúc nãy có người vào nhà tìm bố mẹ, ông H nghi ngờ điện thoại đã bị chiếm đoạt nên đến Cơ quan Công an trình báo. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã làm rõ hành vi phạm tội của Nguyễn Văn B như trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 07/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y12S màu xanh - đen tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 05/01/2022 có trị giá 2.500.000 đồng.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động Nokia 150 màu đen; 01 xe mô tô biển số 93N2 - 7389; 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y12S màu xanh đen; 01 hộp giấy đựng điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh đen.

Ngày 21/01/2022, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho ông Nguyễn Viết H 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y12S màu xanh đen; 01 hộp giấy đựng điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh đen.

Tại bản Cáo trạng số 37/CTr-VKS ngày 28/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại ông Nguyễn Viết H đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị không xem xét;

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì cả.

+ Về vật chứng vụ án:

Ngày 21/01/2022, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho Nguyễn Viết H 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y12S màu xanh đen; 01 hộp giấy đựng điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh đen.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và thấy rất ăn năn về hành vi vi phạm pháp luật của mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Đ, tỉnh B và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy các chứng cứ chứng M hành vi phạm tội của bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản hiện trường; lời khai của bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài, nên khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 05/01/2022, bị cáo Nguyễn Văn B đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại Vivo Y12S của ông Nguyễn Văn H, tại Ấp 1, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh B. Trị giá tài sản tại thời điểm chiếm đoạt là 2.500.000 đồng.

Đối chiếu với hành vi nêu trên của bị cáo so với những quy định của pháp luật hình sự thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, bị cáo nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị nH do bản tính lười lao động, ham muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng mà không phải lao động vất vả nên bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi

lén lút trộm cắp 01 điện thoại Vivo Y12S của ông Nguyễn Văn H tại ấp 1, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh B. Trị giá tài sản tại thời điểm chiếm đoạt là 2.500.000 đồng.

Xét bản thân bị cáo đã có 4 tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2012/HSST ngày 20/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tuyên phạt Nguyễn Văn B 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 27 tháng 20 ngày về tội "Trộm cắp tài sản";

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2012/HSST ngày 30/8/2012 của Tòa án nhân dân thị xã X (nay là thành phố X), tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tuyên phạt Nguyễn Văn B 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số 21/2012/HSST ngày 20/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh B buộc Nguyễn Văn B chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 02 năm 03 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 11/01/2014, chưa được xóa án tích.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 107/2015/HSST ngày 15/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tuyên phạt Nguyễn Văn B 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 10/02/2017, chưa được xóa án tích.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 18/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tuyên phạt Nguyễn Văn B 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 03/10/2018, chưa được xóa án tích.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 126/2020/HSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh B áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên phạt Nguyễn Văn B 13 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 12/11/2020, chưa được xóa án tích.

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng điều khoản quy định của pháp luật.

Xét tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng tài sản của người khác và chấp hành pháp luật nhằm răn đe phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội chưa gây thiệt hại, tài sản chiếm đạt đã trả lại cho người bị hại, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại s, h khoản 1,

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì nên không xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: không yêu cầu gì nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo Y12S màu xanh đen; 01 hộp giấy đựng điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh đen, ngày 21/01/2022, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho Nguyễn Viết H là chủ sở hữu, ông H không yêu cầu gì nên không xem xét.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 93N2-7389; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150 màu đen là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2022.

2. Hình phạt bổ sung: Không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Vật chứng vụ án:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B: 01 xe mô tô biển số 93N2-7389; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 150 màu đen.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày để từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh B (01);
- P. PV 27 CA tỉnh B;
- VKSND huyện Đ (01);
- CC THADS huyện Đ(01);
- CA huyện Đ (03);
- TT lý lịch tư pháp - STP B;
- UBND P.Tân Xuân, TP. X, tỉnh B (01);
- Bị cáo; bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Tòa